

Bản án số: 86/2024/HS-ST

Ngày: 12 - 12 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Hùng và bà Ngô Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Long - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2024/TLST-HS, ngày 28/11/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2024/QĐXXST-HS, ngày 29 tháng 11 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Lê Hữu D – Sinh năm 1994. Số định danh cá nhân: 038094013584

Sinh trú quán: Thôn D, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Hữu Q, sinh năm 1966 và bà Phạm Thị D1, sinh năm 1965; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là thứ 2; Bị cáo chưa có vợ.

Nhân thân:

Ngày 15/8/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Như Xuân xử phạt 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong bản án ngày 11/4/2019.

Ngày 27/10/2021 bị Công an huyện T xử phạt 750.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 29/10/2021 đã nộp xong tiền phạt

Tiền án: Ngày 19/11/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Ngày 03/5/2023 chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/8/2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Văn Đ – Sinh năm 1997. Số định danh cá nhân: 038097005528

Sinh trú quán: Thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn N, sinh năm 1967 và bà Lê Thị Đ1, sinh năm 1973; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là thứ 2; Vợ: Trần Thị T, sinh

năm 1990 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2017, hiện đang ở cùng anh Đ và bà nội.

Tiền án: Ngày 12/8/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Như Thanh xử phạt 13 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 172 Bộ luật hình sự (theo bản án số 13/2021/HSST)

Ngày 22/6/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (tài sản chiếm đoạt trị giá 1.250.000đ). Tổng hợp hình phạt 13 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của bản án số 13/2021/HSST ngày 12/8/2021 của Tòa án huyện N, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 25 tháng tù. Ngày 04/3/2024 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Nhân thân: Ngày 27/10/2021 bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/8/2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Đoàn Thị H – Sinh năm 1997. Thẻ CCCD: 038197000226

Quê quán: Xã T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKNKTT: Số H T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Bá X, sinh năm 1996

và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1972; Gia đình có 4 chị em, bị cáo là thứ 2; Chồng Cao Thành Đ2, sinh năm 1995 và có 01 con sinh năm 2019

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa

4. Vi Thị T1 – Sinh năm 2001, Thẻ CCCD: 0383010249556

STQ: Thôn M, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vi Văn X1, sinh năm 1970 và bà Lương Thị N1, sinh năm 1971; Gia đình có 3 anh em, bị cáo là thứ ba;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

5. Trần Thị T – Sinh năm 1999, Thẻ CCCD: 038199004702

Sinh trú quán: Thôn E, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn V, sinh năm 1976 và con bà Lại Thị N2, sinh năm 1979; Gia đình có 2 chị em, bị cáo là thứ nhất; Chồng Bùi Văn Đ, sinh năm 1997 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều 03/7/2024, Đoàn Thị H gọi điện hẹn Bùi Văn Đ, Lê Hữu D, Trần Thị T và Vi Thị T1 cùng nhau đến quán “Bia béo” ở phố T, xã D, huyện T để uống bia. Khoảng 18 giờ cùng ngày, H đi xe máy đến đón T còn Tân tự bắt xe đi, đến quán “Bia béo” đã thấy Đ và D đang đợi sẵn nên H, T và T1 ngồi xuống cùng nhau uống bia. Trong lúc uống bia, T gọi điện cho anh Trần Văn T2 đến đón. Cả nhóm uống bia đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì T đứng dậy thanh toán và mọi người ra về, T1 và T được anh T2 dùng xe máy chở về theo hướng xã D đi thị trấn T. Lúc này Bùi Văn Đ đi bộ ra đầu đường tỉnh lộ 514 trong tình trạng say rượu, Đ thấy xe ô tô BKS 36A – 255.84 do chị Trần Thị H2 điều khiển đang lưu thông trên đường theo hướng xã D - thị trấn T thì Đ đi ra chặn đầu xe, chị H2 cho xe đi chậm và dừng xe, hạ cửa kính xuống hỏi “có việc gì không”. Đoàn Thị H và Lê Hữu D thấy vậy liền chạy đến xin lỗi và nói: “bạn em say, chị thông cảm”. Chị H điều khiển xe đi tiếp được một đoạn thì Đ chạy theo dùng chân đạp trúng vào gương chiếu hậu bên lái làm cụp gương rồi trèo lên trên nắp capo trước đầu xe làm chị H không tiếp tục di chuyển được. Bức xúc trước hành động của Đ, chị H lấy điện thoại di động ra báo cho cơ quan Công an thì Lê Hữu D tiến đến giật điện thoại của chị H không cho gọi điện, D mở cửa xe kéo chị H ra ngoài và dùng tay đánh chị H. D và Đoàn Thị H sau đó cùng lớn tiếng chửi chị H, còn Bùi Văn Đ đi ra lề đường ngồi. Trần Thị T và Vi Thị T1 được anh T2 đưa về đến gần cầu T (đầu địa phận thị trấn T) thì Đoàn Thị H gọi điện cho T bảo quay lại nên T bảo anh T2 chở T1 và T vòng xe quay lại. Lúc này chị H đã quay vào xe ngồi. T1 và T đến nơi thấy Đoàn Thị H và Lê Hữu D đang chửi chị Trần Thị H2 thì cũng vào hòa hồ hét, chửi chị H2. Lê Hữu D ra giữa lòng đường đứng hò hét rồi cùng với Vi Thị T3 túm áo kéo chị H2 ra khỏi xe, sau đó D mở cốp xe lấy đồ đạc từ trong xe của chị H2 ném ra đường. Đoàn Thị H lao vào đánh chị H nhưng được anh Tâm can N3 nên dừng lại. Trần Thị T sau đó còn xô đẩy và cãi nhau với chị Nguyễn Thị L là người đi cùng xe với chị Trần Thị H2. Anh Trần Văn T2 và chị Nguyễn Thị L chạy đến can ngăn nhưng D, H2, T1 và T vẫn không ngừng hò hét, chửi bới. Khoảng 10 phút sau, Công an xã D đến làm việc nhưng các đối tượng D, H2, T1 và T không dừng lại mà vẫn tiếp tục chửi bới chị H2 bằng những lời lẽ tục tĩu với thái độ rất hung hăng gây huyên náo và làm ách tắc giao thông đoạn đường nơi xảy ra sự việc. Lê Hữu D tiếp tục dùng tay đánh chị H2 thì bị anh Đào Quốc Đ3 (chủ quán “Bia béo”) có mặt tại đó quật ngã và khống chế. Khi lực lượng Cảnh sát giao thông đến thì sự việc mới dừng lại. Chị Trần Thị H2 sau đó được đưa đến Trạm y tế xã D sơ cứu. Tuy nhiên, do vết thương nhẹ nên chị H2 đã từ chối giám định thương tích và không yêu cầu bồi thường về mặt dân sự.

Hiện trường nơi xảy ra sự việc là Tỉnh lộ 514 thuộc địa phận phố T, xã D, huyện T (phía trước Trường mầm non C ến mùa xuân). Đây là đoạn đường tập trung nhiều hộ dân sinh sống, nhiều hàng quán và có mật độ phương tiện tham

gia giao thông cao. Người dân chứng kiến sự việc rất phần nộ và bất bình với cách hành xử của nhóm thanh niên trên.

* Cáo trạng số 76/ CT – VKS - TS ngày 04/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa truy tố các bị cáo Lê Hữu Dương, Bùi Văn Đạt, Đoàn Thị H, Vi Thị T1 và Trần Thị T về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX.

* Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Hữu D, Bùi Văn Đ, Đoàn Thị H, Vi Thị T1 và Trần Thị T phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo Điều 318 Bộ luật hình sự.

* Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Hình phạt đối với Lê Hữu D từ 9 đến 12 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/8/2024

Hình phạt đối với Bùi Văn Đ từ 7 đến 9 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/8/2024

- Áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Hình phạt đối với Vi Thị T1 từ 6 đến 7 tháng tù

Hình phạt đối với Đoàn Thị H từ 5 đến 6 tháng tù

- Áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Hình phạt đối với Trần Thị T từ 5 đến 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, Thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

* Vật chứng, đồ vật trong vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Đoàn Thị H 01 mũ bảo hiểm.

Tại phiên tòa các bị cáo đều nhận tội, thống nhất về tội danh, điều luật áp dụng theo bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận đối với Viện kiểm sát, lời nói sau cùng các bị cáo rất ân hận và mong Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để có điều kiện tiếp tục theo học tại trường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đều đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo

không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và khai nhận cụ thể như sau:

Khoảng 21 giờ, ngày 3/7/2024 sau khi Lê Hữu D, Bùi Văn Đ, Đoàn Thị H, Vi Thị T1 và Trần Thị T uống bia ở quán “Bia béo”. Bùi Văn Đ say rượu nên đi bộ ra đường tỉnh lộ 514 thuộc phố T, xã D, huyện T chặn đầu xe ô tô của chị Trần Thị H2 đang lưu thông trên đường để gây sự, sau đó lên vỉa hè ngồi. Lúc này Lê Hữu D, Đoàn Thị H xảy ra xô sát với chị Trần Thị H2, Lê Hữu D kéo chị Trần Thị H2 từ trong xe ra ngoài đường, dùng tay đánh, chửi chị H2, mở cốp xe ô tô ném đồ của chị H2 ra ngoài đường và ra giữa lòng đường đứng hò hét; Đoàn Thị H gọi điện thoại cho Vi Thị T1, Trần Thị T quay lại và có hành vi hò hét, chửi chị H, xông vào định đánh chị H nhưng được can ngăn lại; Vi Thị T1 có hành vi chửi, hò hét, túm áo chị H kéo chị H ra khỏi xe ô tô; Trần Thị T có hành vi xô đẩy, chửi nhau với chị Nguyễn Thị L là người đi cùng xe với chị H. Đoạn đường diễn ra việc xô sát, đánh, chửi nhau, hò hét, chửi mắng, đánh nhau là lòng đường tỉnh lộ 514. Thời điểm xảy ra sự việc có nhiều phương tiện lưu thông trên đường, các phương tiện nhìn thấy việc xô sát thì đi chậm lại, có phương tiện phải dừng lại, sự việc diễn ra trong khoảng thời gian khoảng 10 phút, đến khi Công xã D có mặt các bị cáo mới dừng lại.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với Biên bản hiện trường, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo Lê Hữu D, Bùi Văn Đ, Đoàn Thị H, Vi Thị T1 và Trần Thị T đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi chặn đầu xe ô tô đang lưu thông trên đường, ném đồ trong xe ra đường, hò hét, đánh, chửi, xô sát nhau trên đường T. Đoạn đường diễn ra việc hò hét, chửi đánh nhau là đoạn đường tập trung nhiều hộ dân sinh sống, có nhiều quán bán hàng, mật độ phương tiện tham gia giao thông cao. Thời điểm xảy ra sự việc có nhiều phương tiện lưu thông trên đường phải dừng xe, giảm tốc độ rồi mới đi tiếp, hai bên đường người dân đứng tập trung xem và rất phẫn nộ, bức xúc, bất bình về hành vi của các bị cáo nên dùng điện thoại quay lại sự việc. Đại diện chính quyền địa phương có văn bản báo cáo và yêu cầu xử lý nghiêm vì sự việc xảy ra gây mất trật tự an ninh trên địa bàn, gây hoang mang lo lắng cho quần chúng nhân dân, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh, buôn bán của các hộ dân trên địa bàn.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, do đó cần xử các bị cáo mức án nghiêm theo quy định của pháp luật để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo

Đ4 là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự cấu kết, phân công vai trò một cách chặt chẽ. Tất cả các bị cáo đều trực tiếp thực hành hành vi phạm tội. Mỗi bị cáo có mức độ hành vi phạm tội khác nhau, do đó cần phải đánh giá vai trò, mức độ phạm tội đối với từng bị cáo để có biện pháp xử lý, đảm bảo tính nghiêm minh cũng như thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Lê Hữu D là người kéo chị Trần Thị H2 từ trong xe ra ngoài đường, dùng tay đánh, chửi, xô sát với chị H2, mở cốp xe ô tô ném đồ của chị H2 ra ngoài đường và ra giữa lòng đường đứng hò hét khiến các phương tiện đang lưu thông trên đường phải giảm tốc độ, dừng xe rồi mới đi tiếp nên giữ vai trò chính trong vụ án.

Đoàn Thị H, Vi Thị T1 và Trần Thị T cùng tham gia chửi, hò hét gây náo loạn cả khu vực và đều là người thực hành; Bùi Văn Đ không tham gia hò hét, chửi, mắng ngòi trên vỉa hè nhưng trước đó có hành vi uống rượu say đi ra đường chặn đầu xe ô tô, nên các bị cáo đều giữ vai trò ngang nhau trong vụ án và sau bị cáo D.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lê Hữu D và Bùi Văn Đ phạm tội khi chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Đoàn Thị H, Vi Thị T1 và Trần Thị T không có tình tiết tăng nặng

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Các bị cáo Đoàn Thị H, Vi Thị T1 và Trần Thị T được hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn, gây lo lắng cho các phương tiện khi tham gia thông thông, do đó cần thiết phải cách ly các bị cáo Lê Hữu D, Bùi Văn Đ, Đoàn Thị H, Vi Thị T1 ra khỏi đời sống xã hội 1 thời gian nhất định mới đủ giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Trần Thị T có chồng cũ là Bùi Văn Đ cũng là bị cáo trong vụ án này, hiện tại có 1 con nhỏ đang sống cùng chị T; Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tại địa

phương, do đó Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 bộ luật hình sự cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Vật chứng, đồ vật trong vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với chiếc mũ bảo hiểm bị cáo Đoàn Thị H cầm khi xảy ra xô sát đã bị thất lạc, bị cáo Đoàn Thị H đã nộp cho Cơ quan điều tra 01 mũ bảo hiểm dạng mũ thời trang có đặc điểm giống hoàn toàn với mũ bảo hiểm bị cáo H sử dụng ngày 03/7/2024. Do không phải là vật chứng của vụ án nên trả lại cho bị cáo Đoàn Thị H.

[7] Về dân sự: Chị Trần Thị H2 bị thiệt hại về sức khỏe, tài sản trong vụ án không yêu cầu giải quyết về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 318 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố các bị cáo: Lê Hữu D, Bùi Văn Đ, Đoàn Thị H, Vi Thị T1 và Trần Thị T phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Lê Hữu D: 10 (mười) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/8/2024.

+ Xử phạt bị cáo Bùi Văn Đ: 7 (bảy) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/8/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Đoàn Thị H: 6 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Vi Thị T1: 6 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Trần Thị T: 6 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Vật chứng, đồ vật trong vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Đoàn Thị H 01 mũ bảo hiểm

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn)

* Về án phí: Áp dụng điều 135, 136, 333 BLTTHS; khoản 1 Điều 21 Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Thanh Hóa;
- VKS tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND Triệu Sơn;
- Công an Triệu Sơn;
- Thi hành án DS Triệu Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Lan

